MỤC LỤC

DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT 3
DANH MỤC CÁC BẢNG, HÌNH 4
CHƯƠNG I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ 5
1. Tên chủ cơ sở 5
2. Tên cơ sở 5
3. Công suất, công nghệ, sản phẩm của cơ sở 6
3.1. Công suất hoạt động của cơ sở 6
3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở 6
3.3. Sản phẩm cơ sở 7
4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của Cơ sở 7
4.1. Nhu cầu sử dụng nhiên liệu 7
4.2. Nhu cầu sử dụng điện nước của cơ sở 7
5. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở 7
5.1. Các hạng mục công trình của Cơ sở 7
5.2. Các hạng mục công trình xử lý chất thải và bảo vệ môi trường 8
CHƯƠNG II. SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG 10
1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường 10
2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường 12
CHƯƠNG III. KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ 13
1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải 13
1.1. Thu gom, thoát nước mưa 13
1.2. Thu gom, thoát nước thải 13
1.3. Xử lý nước thải 14
2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải 15
3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường 16
4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại 16
5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung 17
6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường 17

6.1. Biện pháp quản lý, phòng ngừa sự cố cháy, nổ.....17
6.2. Biện pháp quản lý, phòng ngừa sự cố tràn dầu 18
CHƯƠNG IV. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG 21
1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải..... 21
1.1. Nguồn phát sinh nước thải.....21
1.2. Dòng thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải 21
1.3. Phương thức xả nước thải.....21
1.4. Chế độ xả nước thải 21
1.5. Chất lượng nước thải trước khi xả và nguồn nước tiếp nhận.....21
2. Nội dung đề nghị cấp phép với khí thải..... 23
3. Nội dung đề nghị cấp phép với tiếng ồn, độ rung..... 23
CHƯƠNG V. KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ..... 24
1. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải 24
CHƯƠNG VI. CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ 25
1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải..... 25
1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm.....25
1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải.....25
2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật 26
CHƯƠNG VII. KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ 27
CHƯƠNG VIII. CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ 28
PHỤ LỤC BÁO CÁO 29

DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT

TT	VIẾT TẮT	DIỄN GIẢI
1	BCT	Bộ Công thương
2	BTNMT	Bộ Tài nguyên và Môi trường
3	BVMT	Bảo vệ môi trường
4	CBCNV	Cán bộ công nhân viên
5	CTNH	Chất thải nguy hại
6	CTR	Chất thải rắn
7	NĐ-CP	Nghị định Chính phủ
8	PCCC	Phòng cháy chữa cháy
9	QCVN	Quy chuẩn Việt Nam
10	TCVN	Tiêu chuẩn Việt Nam
11	ƯPSCTD	Ứng phó sự cố tràn dầu

DANH MỤC CÁC BẢNG, HÌNH

Bảng 1.1. Công suất Cơ sở 6
Bảng 1.2. Quy mô các hạng mục của cơ sở..... 8
Bảng 3.1. Thống kê chất thải nguy hại 16
Bảng 4.1. Giá trị giới hạn cho phép chất lượng nước thải sinh hoạt trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận 22
Bảng 4.2. Giá trị giới hạn cho phép chất lượng nước thải sản xuất trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận..... 22
Bảng 5.1. Kết quả giám sát chất lượng môi trường nước thải..... 24
Hình 1.1. Sơ đồ quy trình công nghệ xuất nhập xăng dầu của Cơ sở..... 6

CHƯƠNG I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ

1. Tên chủ cơ sở

- Tên chủ cơ sở: Công ty Xăng dầu Quảng Trị.
- Địa chỉ văn phòng: số 02 Lê Lợi, thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị.
- Người đại diện theo pháp luật của Chủ cơ sở: (Ông) Nguyễn Đức Hùng - Chức vụ: Chủ tịch kiêm Giám đốc.
- Điện thoại: 0233.3557.868.
- Giấy đăng ký kinh doanh số 3200041048 đăng ký lần đầu ngày 13/7/2010, đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 12/10/2023 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Trị cấp.
- Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh số 00030 cấp lần đầu ngày 13/7/2020 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp.
- Giấy chứng nhận điều kiện bán lẻ xăng dầu số 33/GCNĐĐK-SCT cấp ngày 27/9/2022 do Sở Công thương tỉnh Quảng Trị cấp.

2. Tên cơ sở

- Tên cơ sở: Petrolimex-Cửa hàng 25 (gọi tắt là Cơ sở).
- Địa điểm cơ sở: đường Tân Sơn Hòa, xã Hải Phong, huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị.
- Thông báo về việc chấp nhận đăng ký bản đăng ký cam kết kế hoạch bảo vệ môi trường của dự án số 106/TB-UBND ngày 23/8/2012 của Ủy ban nhân dân huyện Hải Lăng.
- Quyết định số 1296/QĐ-UBND ngày 16/6/2017 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc phê duyệt Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu của các cửa hàng xăng dầu thuộc Công ty Xăng dầu Quảng Trị.
- Quy mô của cơ sở (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công): Cơ sở thuộc lĩnh vực công nghiệp có tổng mức đầu tư 492.468.000 đồng, theo quy định tại khoản 3, điều 10, Luật đầu tư công năm 2019, cơ sở có tiêu chí tương đương dự án nhóm C.
- Cơ sở có tiêu chí môi trường là Cơ sở thuộc mục số 2, phụ lục V Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường, thuộc đối tượng phải lập GPMT theo quy định tại điều 39 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

3. Công suất, công nghệ, sản phẩm của cơ sở

3.1. Công suất hoạt động của cơ sở

- Cơ sở có diện tích 1.521 m^2 với sức chứa xăng dầu bao gồm 02 bể chìm với tổng dung tích 50 m^3 (01 bể chứa dầu DO 0,05S-II có dung tích là 25 m^3 và 01 bể chứa xăng RON95-III 25 m^3 với 02 cột bơm (01 cột bơm xăng và 01 cột bơm dầu).
- Cấp cửa hàng: Cửa hàng cấp 3
- Công suất hoạt động:

Bảng 1.1. Công suất Cơ sở

TT	Loại sản phẩm	Số lượng (m^3/tháng)
1	Xăng	24
2	Dầu	15
3	Dầu nhờn	0,1
Tổng		**39,1**

3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở

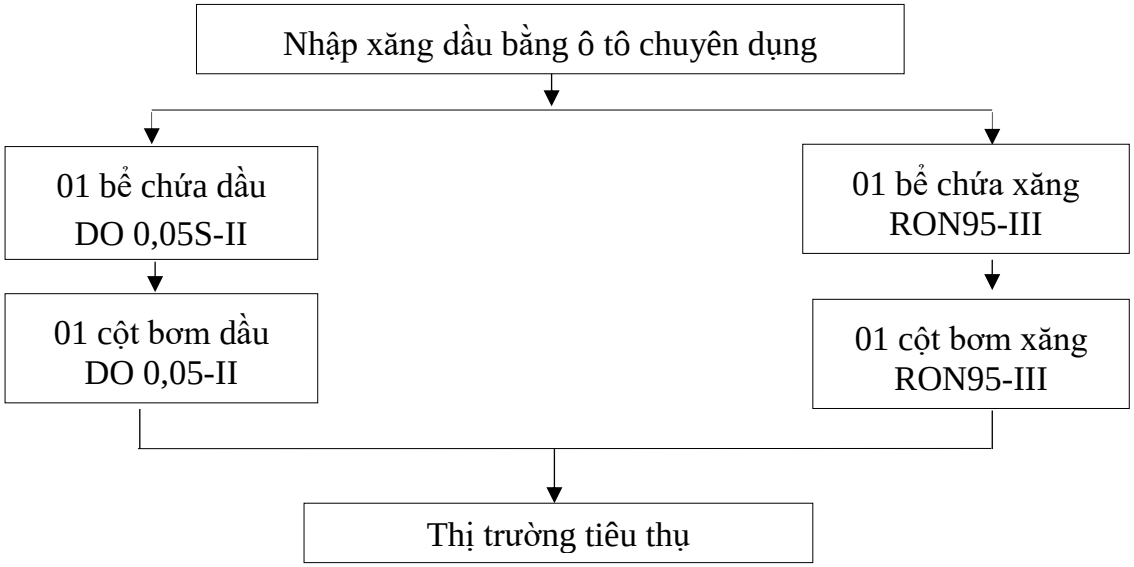

Hình 1.1. Sơ đồ quy trình công nghệ xuất nhập xăng dầu của Cơ sở

Thuyết minh quy trình:

Cơ sở nhập xăng dầu từ kho chứa xăng dầu tại Công ty xăng dầu Khu vực V – Đà Nẵng, vận chuyển bằng xe bồn chuyên dụng về tại cơ sở, tại đây xăng dầu được nhập và lưu chứa tại 2 bể chứa có tổng thể tích 50 m^3 (01 bể chứa xăng, 01 bể chứa dầu). Sau đó xăng dầu được bơm theo hệ thống ống dẫn đến 02 cột bơm điện tử bằng vòi cấp tự ngắt để xuất bán.

Toàn bộ các đường ống xuất xăng dầu ra cột bơm được bọc vải thủy tinh bảo vệ và bố trí trong rãnh thoát kín có đan bê tông cốt thép chịu lực. Rãnh kín dẫn các đường ống xuất bán xăng dầu ra đúng vị trí các cột bơm.

Các chi tiết của cụm bể chứa xăng dầu như họng nhập, van hở cùng hệ thống thu hồi hơi xăng được thiết kế tuân thủ nghiêm ngặt theo QCVN 01:2020/BCT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về yêu cầu thiết kế cửa hàng xăng dầu để đảm bảo an toàn trong quá trình sử dụng.

3.3. Sản phẩm cơ sở

Sản phẩm của cơ sở là kinh doanh xăng dầu, dầu nhờn với khối lượng trung bình mỗi tháng được thể hiện rõ ở bảng 1.1.

4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của Cơ sở

4.1. Nhu cầu sử dụng nhiên liệu

Nguồn nhiên liệu của Cơ sở được nhập từ Công ty xăng dầu, Khu vực V - Đà Nẵng thông qua hệ thống vận chuyển xe bồn chuyên dụng với khối lượng được thể hiện tại bảng 1.1.

4.2. Nhu cầu sử dụng điện nước của cơ sở

- Điện: Nguồn cung cấp điện cho Cơ sở được lấy từ mạng lưới hạ thế chung của khu vực điện áp 380/220V. Điện phục vụ cho các hoạt động bơm xuất hàng, chiếu sáng, sinh hoạt của công nhân là 1.000 kW/tháng.

- Nước: Nguồn nước cấp cho cơ sở được lấy từ nguồn nước ngầm tại khu vực. Trong đó:

+ Nước dùng cho sinh hoạt của CBCNV/ngày: 1 công nhân x 120 lít/người/ngày = 0,12 m^3/ngày *(Theo TCXDVN 13606:2023)*

+ Nước dùng cho khoảng 10 khách vãng lai khoảng 0,15 m^3/ngày.

+ Nước vệ sinh sân đường, tưới nước giảm bụi khoảng 1,5 m^3/ngày.

→ Tổng nhu cầu sử dụng nước cho cơ sở vào khoảng: 1,77 m^3/ngày.

5. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở

5.1. Các hạng mục công trình của Cơ sở

Cơ sở có tổng diện tích 1.521 m^2 hoạt động vào năm 2012 với tên gọi là Cửa hàng xăng dầu và gas số 25. Đến năm 2019, Cơ sở đổi tên thành Petrolimex-Cửa hàng 25 theo Quyết định số 548/PLXQT-QĐ-TCHC ngày 22/11/2019. Cơ sở có quy mô hạng mục công trình như sau:

Bảng 1.2. Quy mô các hạng mục của cơ sở

TT	HẠNG MỤC	Đơn vị	Quy mô
I	**Các hạng mục chính**		
1	Nhà làm việc	m^2	55
2	Cụm bể chứa xăng dầu	m^2	36
3	Mái che cột bơm	m^2	147
II	**Các hạng mục phụ trợ**		
4	Hệ thống mương thoát nước	m	75
5	Bể chứa cát và cấp nước PCCC	m^2	2,8
6	Sân bãi bê tông	m^2	1.012 (trong đó, diện tích sân bãi nhiễm dầu là 150)
III	**Hạng mục BVMT**		
7	Bể tách dầu mỡ	m^2	3,0
8	Bể chứa CTNH	m^2	2
IV	**Các hạng mục khác**		
9	Nhà kho gas	m^2	18,6
10	Nhà để máy phát điện	m^2	3
11	Nhà vệ sinh	m^2	9,5
12	Bể nước sinh hoạt	m^2	7,5
13	Cây xanh	m^2	150
	Tổng	**m^2**	**1.521**

- Số lượng CBCNV: 01 người/ngày.
- Số lượng khách vãng lai/ngày: 15 người.
- Thời gian làm việc: Từ 5h-21h

5.2. Các hạng mục công trình xử lý chất thải và bảo vệ môi trường

a. Hệ thống thu gom, xử lý nước mưa chảy tràn

Đối với lượng nước mưa từ khu vực sân bãi không có khả năng nhiễm dầu phía Nam sẽ chảy tràn theo hướng nghiêng địa hình, thoát ra rãnh thoát nước tuyến đường Tân Sơn Hòa.

b. Hệ thống xử lý nước thải sản xuất

Nước mưa chảy qua khu vực sân bãi có khả năng nhiễm dầu và mái che cột bơm được thu gom về bể lắng, lọc dầu có cấu tạo 4 ngăn, kết cấu bằng bê tông, nắp có đậy đan thép với thể tích là 1,1 m^3 được bố trí trí tại góc phía Bắc của Cơ sở. Kích thước của bể lắng, lọc dầu như sau:

+ Ngăn 1: (D×R×C) = (0,67×0,72×0,75) m;

+ Ngăn 2: (D×R×C) = (0,67×0,72×0,75) m;

+ Ngăn 3: (D×R×C) = (0,67×0,3×0,75) m;

+ Ngăn 4: (D×R×C) = (0,67×0,4×0,75) m;

Nước thải sau khi qua bể tách dầu sẽ thoát ra mương thoát nước phía Bắc của Cơ sở.

c. Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt

Nước thải sinh hoạt được thu gom và xử lý bằng hệ thống bể tự hoại 3 ngăn với thể tích 5 m^3 đã được xây dựng ở góc phía Đông của Cơ sở. Nước thải sau khi qua bể tự hoại sẽ thấm trực tiếp xuống đất khu vực Cơ sở.

d. Công trình và biện pháp xử lý chất thải rắn, CTNH

- Đối với CTR thông thường: CTR sinh hoạt của 1 CBCNV và 15 khách vãng lai/ngày được thu gom vào 03 thùng chứa rác 120 L đặt tại các vị trí ra vào Cơ sở và 01 thùng rác loại 30L tại khu vực nhà bán hàng để thu gom rác. Hợp đồng với Đội thu gom rác thải sinh hoạt UBND xã Hải Phong vận chuyển, xử lý với tần suất thu gom 01 lần/tuần. (Hợp đồng tại phụ lục báo cáo)

- Đối với CTNH hiện đang được thu gom vào 04 thùng chứa 120 L và 1 ống nhựa PVC có nắp đậy chứa đèn huỳnh quang thải có dán nhãn sau đó lưu giữ tại bể chứa CTNH có diện tích 2 m^2 nằm ở góc phía Đông của Cơ sở và hợp đồng với Công ty Cổ phần Xử lý Môi trường Nghệ An định kỳ vận chuyển, xử lý với tần suất thu gom 01 lần/năm. (Hợp đồng tại phụ lục báo cáo)

CHƯƠNG II. SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường

- Quyết định số 611/QĐ-TTg ngày 8/7/2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050: Trong đó nêu rõ:

+ Quy hoạch bảo vệ môi trường là định hướng bảo vệ môi trường cho các quy hoạch ngành quốc gia, quy hoạch vùng và quy hoạch tỉnh, bảo đảm nguyên tắc xuyên suốt, không đánh đổi môi trường lấy phát triển kinh tế, yếu tố môi trường phải được tính đến trong từng hoạt động phát triển kinh tế - xã hội, hài hòa với tự nhiên, tôn trọng quy luật tự nhiên, phát triển kinh tế với tư duy kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, kinh tế các-bon thấp nhằm giảm thiểu chất thải phát sinh, hướng tới mục tiêu phát thải ròng bằng "0" vào năm 2050, chuyển dịch năng lượng công bằng, góp phần thực hiện thành công các chỉ tiêu kinh tế - xã hội của đất nước thời kỳ 2021 - 2030.

+ Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia bảo đảm tính mở và linh hoạt để tích hợp, lồng ghép vào các quy hoạch khác có liên quan, nhằm thực hiện mục tiêu phát triển bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu, phòng ngừa các vấn đề môi trường từ sớm, từ xa; thúc đẩy phương thức quản lý tổng hợp, tiếp cận tổng thể dựa vào hệ sinh thái tự nhiên.

+ Quy hoạch bảo vệ môi trường nhằm tăng cường kết nối hài hòa trong hoạt động quản lý, bảo vệ môi trường giữa các vùng kinh tế - xã hội, các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; chủ động phòng ngừa, kiểm soát, khắc phục ô nhiễm và cải thiện chất lượng môi trường, bảo vệ các khu vực có yếu tố nhạy cảm môi trường; tập trung xử lý các vấn đề môi trường xuyên biên giới, liên vùng, liên tỉnh; kết hợp với bảo tồn giá trị tự nhiên và đa dạng sinh học, thúc đẩy sử dụng tiết kiệm, hiệu quả và bền vững tài nguyên thiên nhiên.

- Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 18/7/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch hạ tầng dự trữ, cung ứng xăng dầu, khí đốt quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 Trong đó nêu rõ**:**

+ Phát triển hệ thống hạ tầng dự trữ, cung ứng xăng dầu khí đốt đảm bảo tính đàn hồi, đảm bảo năng lực dự trữ, đảm bảo yêu cầu phát triển trên toàn bộ không gian lãnh thổ, đảm bảo phát triển bền vững gắn với bảo vệ môi trường, phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu; sử dụng đất hiệu quả, tiết kiệm, bảo vệ

nghiêm ngặt diện tích đất chuyên trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng, đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên và khu bảo tồn thiên nhiên.

+ Phát triển hệ thống hạ tầng dự trữ, cung ứng xăng dầu khí đốt đảm bảo hài hòa lợi ích của quốc gia, địa phương, doanh nghiệp và người dân.

+ Phát triển hệ thống hạ tầng dự trữ, cung ứng xăng dầu khí đốt hiện đại; đáp ứng được các tiêu chuẩn, quy chuẩn, kỹ thuật và phù hợp với yêu cầu phát triển và hội nhập kinh tế quốc tế của đất nước.

+ Phát triển hệ thống hạ tầng dự trữ, cung ứng xăng dầu, khí đốt quốc gia bao gồm dự trữ chiến lược (dự trữ quốc gia); dự trữ sản xuất, dự trữ thương mại, vận tải, lưu thông phân phối, đáp ứng các chỉ tiêu kinh tế, kỹ thuật, môi trường, đảm bảo dự trữ, cung ứng đầy đủ, an toàn, liên tục cho phát triển kinh tế xã hội, an ninh, quốc phòng.

- Nghị quyết số 03/2013/NQ-HĐND ngày 31/5/2013 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị về việc Quy hoạch phát triển Thương mại Quảng Trị đến năm 2020, định hướng cho các năm tiếp theo. Trong đó có nêu rõ: Xây dựng lộ trình cải tạo, nâng cấp hoặc chuyển đổi cụ thể theo từng giai đoạn cho các cửa hàng bán lẻ xăng dầu chưa đủ điều kiện.

- Cơ sở thuộc phân vùng môi trường khác theo Quyết định số 1737/QĐ-TTg ngày 29/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Quy hoạch tỉnh Quảng Trị thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Theo QCVN 01:2020/BCT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về yêu cầu thiết kế Cửa hàng xăng dầu quy định khoảng cách an toàn từ bể chứa và cột bơm đến công trình bên ngoài Cửa hàng sẽ giảm 30% do cửa hàng có lắp hệ thống thu hồi hơi xăng dầu, cụ thể:

+ Khoảng cách đến công trình dân dụng là 3,5 m; trong đó:

- Khoảng cách từ bể chứa (cổ bể) đến nhà dân gần nhất thuộc cụm dân cư thôn Câu Hà,, xã Hải Phong là khoảng 17 m về phía Đông Nam.
- Khoảng cách từ cột bơm đến nhà dân gần nhất thuộc cụm dân cư thôn Câu Hà, xã Hải Phong là khoảng 23 m về phía Đông Nam.

+ Khoảng cách đến nơi tập trung đông người là là 50 m, trong đó:

- Nằm cách Cơ sở khoảng 130 m, 400 m về phía Bắc lần lượt là Chợ Hải Tân và Trường mầm non Văn Quỹ.

Do đó, khoảng cách an toàn từ bể chứa và cột bơm đến công trình bên ngoài Cơ sở đảm bảo theo quy định.

- Cơ sở được xây dựng tại Đường Tân Sơn Hòa, xã Hải Phong, huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị với tổng diện tích 1.521 m^2 đã được UBND tỉnh Quảng Trị cấp giấy

chứng nhận quyền sử dụng đất số BĐ 015715 cho Công ty Xăng dầu Quảng Trị. Như vậy, Cơ sở thuộc loại hình kinh doanh dịch vụ, thương mại là đúng mục đích sử dụng đất đã được UBND tỉnh Quảng Trị công nhận quyền sử dụng đất theo quyết định Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã được cấp theo quy định.

2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường

Hiện tại, khả năng chịu tải của môi trường tiếp nhận chất thải của khu vực chưa được ban hành nên chưa có cơ sở để đánh giá sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường tiếp nhận chất thải.

Mặt khác, quá trình hoạt động đến nay chủ cơ sở đã thực hiện giám sát môi trường hàng năm, qua kết quả quan trắc vào năm 2023 và 06 tháng đầu năm 2024 *(thể hiện rõ tại Chương V)* cho thấy kết quả quan trắc nước thải tại Cơ sở nằm trong ngưỡng giới hạn cho phép theo quy định.

CHƯƠNG III. KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải

1.1. Thu gom, thoát nước mưa

Đối với lượng nước mưa từ khu vực sân bãi không có khả năng nhiễm dầu phía Nam sẽ chảy tràn theo hướng nghiêng địa hình, thoát ra rãnh thoát nước tuyến đường Tân Sơn Hòa.

1.2. Thu gom, thoát nước thải

a. Đối với nước thải sản xuất:

- Nguồn phát sinh: Từ quá trình vệ sinh sân đường trước nhà bán hàng và mái che cột bơm phát sinh khi có nước mưa chảy qua khu vực.

- Thành phần: chưa các chất thải phần dầu mỡ, chất hữu cơ,…

- Tải lượng: Lượng nước chảy tràn trên mặt sân, nước vệ sinh sân bãi phía trước nhà bán hàng được xác định theo công thức (TCVN 7957:2023 - Thoát nước - mạng lưới và công trình bên ngoài - tiêu chuẩn thiết kế):

$$Q = q \times F \times \beta \times \psi.$$

Trong đó:

q – Cường độ mưa tính toán; Lượng mưa trung bình ngày trong tháng lớn nhất năm 2020 có giá trị 89,5 mm/ngày (T10/2020);

F - Diện tích sân bãi bê tông có khả năng nhiễm dầu (m^2) (F= 150+147=297)

β – Hệ số phân bố mưa. (β = 1,0) tương ứng với diện tích mặt phủ bê tông

ψ - Hệ số dòng chảy, phụ thuộc vào loại mặt phủ và chu kỳ lặp lại trận mưa tính toán P, ψ = 0,75 tương ứng với mặt phủ bê tông.

Vậy: Q = 0,0895 (m/ngày) × 297 (m^2) × 1,0 × 0,75 = 19,9 m^3/ngày.

Nước thải phát sinh được thu gom theo hệ thống rãnh thoát nước đậy đan thép có kích thước (D×R×C) = (15×0,3×0,5) m dẫn đến rãnh thoát nước hở có kích thước (D×R×C) = (6×0,5×0,5) m, rồi dẫn đến bể lắng, lọc dầu có cấu tạo 4 ngăn, kết cấu bằng bê tông, nắp có đậy đan thép với thể tích là 1,1 m^3 được bố trí trí tại góc phía Bắc của Cơ sở để xử lý trước khi thoát ra môi trường.

b. Đối với nước thải sinh hoạt:

- Nguồn phát sinh: Từ quá trình sinh hoạt của 1 CBCNV làm việc tại Cơ sở và khoảng 15 khách vãng lai/ngày.

- Thành phần: Nước thải sinh hoạt chủ yếu chứa các loại vi khuẩn, các chất hữu cơ, các chất rắn lơ lửng.

- Tải lượng: Tổng lượng nước thải sinh hoạt phát sinh là 0,27 m^3/ngày.

- Nước thải sinh hoạt thải ra từ khu vệ sinh được thu gom và dẫn qua bể tự hoại 3 ngăn với thể tích 5 m^3 để xử lý rồi thấm trực tiếp xuống đất khu vực Cơ sở.

1.3. Xử lý nước thải

a. Đối với nước thải sản xuất

Nước mưa chảy qua khu vực sân bãi có khả năng nhiễm dầu và mái che cột bơm được thu gom về bể lắng, lọc dầu có cấu tạo 4 ngăn, kết cấu bằng bê tông, nắp có đậy đan thép với thể tích là 1,1 m^3 được bố trí trí tại góc phía Bắc của Cơ sở. Kích thước của bể lắng, lọc dầu như sau:

+ Ngăn 1: (D×R×C) = (0,67×0,72×0,75) m;

+ Ngăn 2: (D×R×C) = (0,67×0,72×0,75) m;

+ Ngăn 3: (D×R×C) = (0,67×0,3×0,75) m;

+ Ngăn 4: (D×R×C) = (0,67×0,4×0,75) m;

Giữa các ngăn có lắp đặt các ống nước thông các ngăn bể với nhau theo nguyên lý thu nước tràn ở dưới đáy bể. Giữ lại váng dầu mỡ trên bề mặt. Trên bề mặt bể bố trí nắp đan lưới thép để định kỳ nạo vét dầu mỡ và bùn cặn.

Sơ đồ cụm bể lắng, tách dầu như sau:

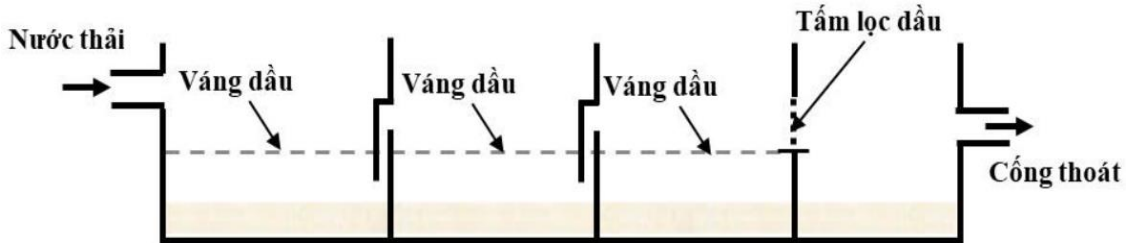

Nước thải sau khi được tách dầu mỡ, lắng sẽ thoát ra mương nước phía Bắc của cơ sở. Đối với váng dầu thu gom từ bể lắng, được đưa vào thùng chứa được lưu trữ tại kho chứa CTNH có diện tích 2 m^2 nằm phía Đông Cơ sở.

Để đánh giá chất lượng nước thải là nước mưa chảy qua khuôn viên Cơ sở cuốn theo các chất ô nhiễm trên bề mặt sau khi qua hệ thống xử lý, báo cáo tiến hành tham khảo kết quả quan trắc chất lượng nước thải năm 2023 và 6 tháng đầu năm 2024 do Trung tâm Quan trắc Tài nguyên và Môi trường Quảng Trị thực hiện, kết quả thể hiện tại bảng 5.1 cho thấy các thông số quan trắc chất lượng nước thải tại thời điểm quan trắc đều nằm trong giới hạn cho phép theo cột B của QCVN 29:2010/BTNMT.

b. Đối với nước thải sinh hoạt

Để xử lý nước thải sinh hoạt của 1 CBCNV và các khách ra vào Cơ sở, chủ cơ sở đã xây dựng bể tự hoại 3 ngăn với thể tích 5 m^3 đã được xây dựng vào góc phía Đông của Cơ sở để phục vụ cho quá trình sinh hoạt của CBCNV.

Chức năng của bể tự hoại là lắng và phân huỷ cặn lắng nên cấu tạo của bể tự

hoại gồm 2 phần: Phần lắng và phần phân huỷ cặn.

Tính toán kích thước của bể tự hoại:

Dung tích bể tự hoại được xác định theo công thức sau:

W = Wn + Wc. Trong đó:

Wn: Thể tích phần nước của bể; (m^3); Wc: Thể tích phần phân huỷ cặn của bể; (m^3)

+ Trị số Wn có thể lấy bằng 1 đến 3 lần lưu lượng nước thải trong một ngày đêm tùy thuộc yêu cầu vệ sinh.

Qn: Lượng nước thải thực tế trong một ngày đêm; (m^3)

Ở đây chọn: Wn = 2Qn = 2×0,27 m^3/ngày.đêm = 0,54 m^3.

+ Trị số Wc được xác định theo công thức sau:

Wc = [a×T×(100 - W1)×b×c]×N/[(100 - W2)×1.000] (m^3). Trong đó:

a: Lượng cặn của một người thải ra một ngày (0,5- 0,8 lít/người.ngày.đêm)

T: Thời gian giữa 2 lần lấy cặn, chọn: T= 365 ngày.

W_1, W_2: độ ẩm của cặn tươi và cặn khi lên men, (%). Chọn: W_1=95%, W_2=90%.

b: Hệ số giảm thể tích cặn khi lên men (giảm 30%) và lấy bằng 0,7.

c: Hệ số để lại một phần cặn đã lên men khi hút cặn (20%) và lấy bằng 1,2.

N: Số người sử dụng (N = 16 (Bao gồm 1 CBCNV và 15 khách vãng lai)).

=> Wc = [0,8×365×(100 - 95)×0,7×1,2×16]/[(100 - 90)×1.000] = 1,8 m^3

Tổng thể tích bể tự hoại là 0,54 + 1,8 = 2,34 m^3.

Nước thải sinh hoạt sau khi xử lý bằng bể tự hoại 3 ngăn có thể tích 5 m^3 sẽ thấm trực tiếp xuống đất tại khu vực Cơ sở.

2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải

Trong quá trình hoạt động của cơ sở đã phát sinh ra khí thải, bụi từ hoạt động ra vào Cơ sở của các phương tiện giao thông. Hơi xăng dầu bay hơi khi nhập, xuất xăng dầu. Ngoài ra, khí thải còn phát sinh từ quá trình phân hủy chất thải rắn hữu cơ, từ những nơi chứa rác, khu vệ sinh...

Tuy nhiên, trong suốt quá trình hoạt động từ trước đến nay Cơ sở chưa có sự phản ánh của chính quyền địa phương hay người dân trong khu vực về ảnh hưởng môi trường không khí do hoạt động của Cơ sở. Điều đó cho thấy, hoạt động của Cơ sở tác động không lớn đến CBCNV, người dân trong khu vực.

Nhưng để hạn chế đến mức thấp nhất hơi xăng dầu khuếch tán ra môi trường bên ngoài, cơ sở đã áp dụng có hiệu quả các biện pháp như sau:

- Thiết kế, lắp đặt hệ thống xuất, nhập, hệ thống van thở, tuân thủ theo các yêu cầu của QCVN 01:2020/BCT - Quy chuẩn quốc gia về Cửa hàng xăng dầu - yêu cầu thiết kế.

- Xe ô tô để vận chuyển xăng dầu phải là xe chuyên dụng được thiết kế theo

đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

- Thường xuyên tập huấn và huấn luyện công nhân thực hiện các nguyên tắc và thao tác bơm cẩn thận trong quá trình bán xăng dầu.

- Tổ chức vệ sinh hằng ngày trên toàn bộ mặt bằng khu vực Cơ sở.

- Trang bị áo quần, găng tay, khẩu trang cho công nhân lao động.

- Hằng ngày, công nhân của Cơ sở sẽ tiến hành phun nước nhằm hạn chế bụi phát sinh do gió hoặc do các phương tiện ra vào Cơ sở.

3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường

Nguồn phát sinh chất thải rắn từ quá trình sinh hoạt của 1 CBCNV của Cơ sở và khoảng 15 khách vãng lai/ngày. Lượng CTR phát sinh chủ yếu là thức ăn dư thừa, vỏ hoa quả, giấy vụn, túi nilon, chai, lọ… Lượng rác thải sinh hoạt phát sinh thực tế tại Cơ sở khoảng 3-4 kg/ngày. Hiện tại Cơ sở đã thực hiện các biện pháp thu gom và xử lý như sau:

- Bố trí 03 thùng chứa rác thải chuyên dụng loại 120 L tại vị trí ra vào Cơ sở và 01 thùng rác loại 30L tại khu vực nhà bán hàng để thu gom rác. Định kỳ hợp đồng với Đội thu gom rác thải sinh hoạt UBND xã Hải Phong vận chuyển, xử lý với tần suất thu gom 01 lần/tuần. Biện pháp này hiện đang được áp dụng có hiệu quả, do đó trong thời gian tới Cơ sở sẽ tiếp tục áp dụng. Bên cạnh đó nhằm thúc đẩy hiệu quả hoạt động tái chế, tái sử dụng, xử lý chất thải rắn sinh hoạt Cơ sở đang lên kế hoạch triển khai bổ sung phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn.

4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại

Theo số liệu tại Biên bản giao nhận CTNH năm 2023 tại Cơ sở do Công ty Cổ phần Xử lý môi trường Nghệ An thu gom với khối lượng cụ thể như sau:

Bảng 3.1. Thống kê chất thải nguy hại

TT	Tên chất thải	Mã CTNH	Khối lượng/năm (kg)
1	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	5
2	Chất thải lẫn dầu	19 07 01	10
3	Các loại dầu động cơ, hộp số và bôi trơn thải khác	17 02 04	1
4	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	17 01 06	0,5
5	Bao bì nhựa cứng	18 01 03	0,5
	Tổng		**17**

CTNH được thu gom, phân loại vào 4 thùng với thể tích 120 L và 1 ống nhựa PVC có nắp đậy chứa đèn huỳnh quang thải có dán nhãn và chứa tại bể chứa CTNH được xây dựng mới ở góc phía Đông của Cơ sở. Bể chứa CTNH có dạng hình hộp chữ nhật kích thước: (1,4×1,4×0,75) m. Bể có nắp đậy bằng tôn có bản lề.

Toàn bộ CTNH của Cơ sở được tập kết về bể chứa CTNH và hiện nay Công ty đã hợp đồng với Công ty Cổ phần xử lý Môi trường Nghệ An định kỳ vận chuyển, xử lý với tần suất 01 đợt/năm (Hợp đồng thể hiện tại phụ lục báo cáo). Biện pháp này đang được sử dụng có hiệu quả tại các cửa hàng kinh doanh xăng dầu của Công ty xăng dầu Quảng Trị trong đó có Petrolimex-Cửa hàng 25, do đó Chủ cơ sở sẽ tiếp tục thực hiện biện pháp xử lý này.

5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

Nguồn phát sinh tiếng ồn tại Cơ sở chủ yếu từ các phương tiện ra vào Cơ sở để mua xăng dầu. Do đó, Cơ sở sẽ áp dụng các biện pháp giảm thiểu như sau:

- Quy định tốc độ các loại phương tiện khi ra vào Cơ sở.
- Yêu cầu các phương tiện ra vào Cơ sở hạn chế sử dụng còi xe, các trường hợp khi cần sẽ yêu cầu tắt máy trước khi vào Cơ sở.

6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

6.1. Biện pháp quản lý, phòng ngừa sự cố cháy, nổ

- Cơ sở đã có Giấy chứng nhận số 290/ĐK-PCCC ngày 12/6/2012 của Công an tỉnh Quảng Trị chứng nhận đủ điều kiện về phòng cháy và chữa cháy.
- Biên bản kiểm tra an toàn phòng cháy chữa cháy ngày 26/4/2024 của Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH - Công an tỉnh Quảng Trị.
- Toàn bộ trang thiết bị phòng cháy chữa cháy của Cơ sở tuân thủ theo QCVN 01:2020/BCT- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về yêu cầu thiết kế Cửa hàng xăng dầu trong phòng chống cháy nổ được bố trí như sau:

+ Trang bị các bình cứu hỏa cả trên xe đẩy cơ động đặt trên mặt sân tại nhà bán hàng, khu vực văn phòng, cột bơm xăng dầu. Trong đó, bình chữa cháy MFZT35 loại 35kg có 02 bình, bình chữa cháy MFZ8 có 10 bình, bình chữa cháy MFZ4 có 02 bình. Các bình chữa cháy được bố trí tại các vị trí thuận tiện ở Cơ sở, dễ nhìn thấy cùng với các chăn sợi.

+ Trang bị các tiêu lệnh PCCC, các biển báo và ký hiệu cấm lửa, không sử dụng điện thoại… ở các vị trí cần thiết như các cột bơm và phía trước nhà bán hàng, xung quanh vách tường.

- Các bể chứa xăng dầu được chôn ngầm dưới cát, có hệ thống kết cấu neo bể chống đẩy nổi. Xung quanh bể có hệ thống cọc tiếp địa chống tĩnh điện đảm bảo an

toàn tuyệt đối khi xe vào nhập hàng.

- Bố trí 01 bể chứa nước 1 m^3 và 01 bể chứa cát 1 m^3 sau bể chứa xăng dầu để đảm bảo phòng cháy chữa cháy.

- Toàn bộ đường ống xuất xăng dầu ra cột bơm và hệ thống thu hồi hơi xăng được bọc vải thủy tinh bảo vệ và bố trí trong rãnh kín có đan bê tông cốt thép chịu lực. Rãnh kín dẫn các đường ống xuất bán xăng dầu ra đúng các vị trí cột bơm.

- Các chi tiết của cụm bể chứa xăng dầu như họng nhập, van thở cùng hệ thống thu hồi xăng được thiết kế tuân thủ nghiêm ngặt theo QCVN 01:2020/BCT-Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về yêu cầu thiết kế cửa hàng xăng dầu để đảm bảo an toàn trong quá trình sử dụng.

- Thường xuyên diên tập công tác PCCC cho cán bộ công nhân viên Cơ sở.

6.2. Biện pháp quản lý, phòng ngừa sự cố tràn dầu

Hiểu rõ đặc thù các hoạt động của mình, Cơ sở luôn coi trọng công tác phòng chống và ứng phó với các sự cố có thể xảy ra. Công ty đã thiết kế hệ thống xuất, nhập xăng dầu theo đúng quy định, các vật liệu lưu chứa, đường dẫn được lựa chọn đúng chất lượng, đảm bảo bền bỉ, an toàn với thời gian.

Các phương tiện, trang thiết bị ứng phó mà Công ty đã trang bị như hệ thống thông tin liên lạc, hệ thống điện chiếu sáng của Cơ sở và các trang thiết bị ƯPSCTD như chăn sợi, giấy thấm, cát chữa cháy, phao quây để thu hồi dầu tràn không để phân tán rộng ra môi trường. Trong trường hợp sự cố tràn dầu xảy ra vượt khả năng ứng phó của Cơ sở sẽ thông báo với cơ quan chức năng liên quan để ứng cứu kịp thời.

Đồng thời, xây dựng kế hoạch ứng phó với sự cố tràn dầu theo quy định như sau:

** Quy trình chung:*

Tổ chức cứu nạn và khống chế nguồn gây dầu tràn: Khi xảy ra sự cố, trước tiên tìm mọi biện pháp cứu người bị nạn thoát khỏi vùng nguy hiểm (nếu có) và khống chế nguồn gây dầu tràn. Triển khai các công việc sau:

- Khi phát hiện sự cố, phải khống chế ngay nguồn gây dầu tràn ngay sau khi phát hiện sự cố, ngừng hoạt động xuất/nhập dầu tại Cơ sở, đóng tất cả các van có liên quan, sơ tán nhanh chóng các phương tiện, con người đang có mặt tại Cơ sở.

- Tiếp cận hiện trường, tìm mọi biện pháp cứu người bị nạn (nếu có) và di tản ra khỏi khu vực sự cố.

- Phối hợp tổ chức lực lượng, phương tiện đảm bảo đảm bảo phòng chống cháy nổ báo động đến các phương tiện, người dân xung quanh Cơ sở tránh xa khu vực dầu tràn. Nghiêm cấm các hành vi phát sinh nguồn lửa, nguồn nhiệt trong vùng sự cố.

- Báo cáo tình trạng thực tế ban đầu về dầu tràn.

- Bảo đảm an toàn, an ninh khu vực sự cố.

** Thông báo, báo động:*

- Khi xảy ra sự cố, người phát hiện sự cố phải thông báo ngay cho cửa hàng trưởng/Đội trưởng đội ƯPSCTD, cửa hàng trưởng thông báo cho Giám đốc Công ty/Trưởng BCĐ để BCĐ kịp thời có mặt chỉ đạo xử lý sự cố, quyết định phương án ứng cứu.

- Khẩn trương báo động đến toàn bộ nhân viên, khách hàng, người dân xung quanh… để sẵn sàng ứng phó hoặc di tản ra khỏi vùng sự cố.

Tùy mức độ dầu tràn để quyết định mức độ thông báo, báo động.

** Đánh giá sự cố:* Mục đích nhằm xác định mức độ sự cố, cung cấp thông tin nhằm hướng dẫn, kiểm soát và ứng cứu.

- Các thông tin cần thiết để thực hiện đánh giá như vị trí và loại sự cố, ước lượng khối lượng dầu tràn, nguồn gây dầu tràn, loại dầu tràn, hướng gió, điều kiện thời tiết.

- Các thông tin cần xác định gồm:

+ Hướng di chuyển của vệt dầu;

+ Khả năng ảnh hưởng của dầu tràn;

+ Xác định nguyên nhân gây sự cố và khả năng tự ứng cứu ban đầu của bên gây sự cố, mức độ hỗ trợ của các cơ quan liên quan;

+ Mức độ thông báo/báo động;

+ Sự cần thiết phải áp dụng các biện pháp an ninh để hạn chế việc tiếp cận dầu tràn.

+ Các hoạt động khả thi có thể thực hiện để kiểm soát nguồn dầu tràn, để chuyển hướng, ngăn chặn, cô lập và thu hồi dầu; làm sạch và khôi phục khu vực bị ảnh hưởng.

+ Thực lực của Đội Ứng phó sự cố tràn dầu (ƯPCSTD) tại hiện trường và các thiết bị ứng phó cần có để tiến hành thực hiện các hoạt động ứng phó;

+ Mức độ an toàn khi thực hiện các hoạt động kiểm soát, ứng phó.

** Lựa chọn phương án ứng phó và huy động trang thiết bị/lực lương ứng phó*

Để có phương án ứng phó có hiệu quả, nhiệm vụ quan trọng của Chỉ huy trưởng và Đội trưởng đội ƯPCSTD là lựa chọn phương pháp ứng phó và huy động trang thiết bị/lực lượng để tổ chức ứng phó.

- Chỉ huy trưởng (giám đốc Công ty) lựa chọn phương pháp ứng phó

- Đội trưởng Đội ƯPCSTD căn cứ quyết định phương pháp ứng phó của Chỉ huy trưởng, căn cứ vào thực tế hiện trường khu vực xảy ra sự cố để lập ra phương án ứng phó tại hiện trường.

- Huy động toàn bộ lực lượng/trang thiết bị của cửa hàng tham gia ứng phó. Ngoài ra có thể huy động hỗ trợ từ các đơn vị liên quan trong trường hợp cần thiết.

** Phương án ứng phó sự cố tại hiện trường:*

- Tìm mọi cách ngăn không cho dầu tiếp tục chảy ra môi trường; căn cứ vào tình hình thực tế tại hiện trường để sử dụng có hiệu quả các thiết bị ứng phó sự cố tràn dầu, PCCC, hệ thống thu gom tách ly dầu, bơm hút dầu… để tiến hành thu gom, xử lý dầu tại hiện trường.

- Tránh phát sinh nguồn ô nhiễm thứ cấp: thiết lập ranh giới rõ ràng giữa "vùng ô nhiễm" và ''vùng sạch'', kiểm tra thường xuyên các thiết bị để tránh rò rỉ đảm bảo mọi dụng cụ phải kín…

- Mọi hoạt động ứng phó đều phải được thực hiện sao cho tính mạng và sự an toàn của lực lượng ứng phó nói riêng và con người nói chung được đảm bảo ở một mức độ cao nhất.

** Kết thúc hoạt động ứng cứu:*

- Sau khi hoàn thành công tác ứng phó hiện trường, môi trường đảm bảo, không còn nguy cơ cháy nổ, Chỉ huy trưởng ra lệnh kiểm tra, bảo trì, làm sạch và thu hồi các thiết bị, dụng cụ phục vụ công tác ƯPCSTD về vị trí ban đầu.

+ Các trang thiết bị trước khi ra khỏi khu vực sự cố phải được làm sạch nhằm tránh ô nhiễm thứ cấp.

+ Thu hồi trang thiết bị, vật tư còn có khả năng sử dụng, tiến hành kiểm tra, bảo trì.

+ Tiến hành rà soát và có kế hoạch bổ sung các trang thiết bị ứng phó sự cố tràn dầu và PCCC đảm bảo đủ số lượng, chất lượng để sẵn sàng ứng phó.

+ Sửa chữa máy móc, thiết bị hư hỏng để nhanh chóng trở lại sản xuất.

- Xử lý dầu thu hồi và vật liệu nhiễm dầu:

+ Giảm thiểu chất thải tại nguồn: dọn sạch rác thải, đá, cỏ… (nếu có thể) nơi có thể tràn đến; tái sử dụng trang bị bảo hộ, dụng cụ thu dọn.

+ Xử lý: Dầu thu hồi, vật liệu hấp phụ dầu và các chất thải nhiễm dầu được chứa tạm thời một cách an toàn, tập trung về một địa điểm, ngăn không cho thấm tràn ra môi trường xung quanh và sau đó được chuyển đến nơi xử lý sau cùng.

Việc xử lý dầu phải do đơn vị có đủ năng lực thực hiện. Công ty sẽ hợp đồng với đơn vị có đủ chức năng để xử lý chất thải nhiễm dầu khi có sự cố xảy ra.

- Thực hiện công tác bồi thường thiệt hại (nếu có): thu thập thông tin, thiệt hại, lập các thủ tục và hồ sơ cần thiết theo đúng quy định của pháp luật.

- Ngoài ra, trong quá trình ứng phó tiến hành lập, các biên bản, báo cáo cần thiết để cung cấp thông tin, báo cáo cho cơ quan chức năng theo dõi hoặc sử dụng trong công tác bồi thường thiệt hại.

CHƯƠNG IV. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải

1.1. Nguồn phát sinh nước thải

- Nguồn 01: Nước thải từ nhà vệ sinh của CBCNV và khách hàng.

- Nguồn 02: Nước thải sản xuất là nước mưa chảy tràn qua sân bãi có nhiễm dầu và mái che cột bơm được thu gom về bể lắng, lọc dầu.

1.2. Dòng thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

1.2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải

- Dòng thải 01: Nước thải sinh hoạt sau khi đã xử lý tại bể tự hoại sẽ thấm trực tiếp xuống đất tại khu vực Cơ sở.

- Dòng thải 02: Nước thải sản xuất sau khi đã xử lý tại bể lắng, lọc dầu 4 ngăn sẽ thoát ra mương nước phía Bắc của Cơ sở.

1.2.2. Vị trí xả nước thải

- Dòng thải 01: Nước thải thấm trực tiếp xuống đất khu vực Cơ sở. Tọa độ X: 1.842.842 m; Y: 613.721 m (Hệ tọa độ VN2000, KTT $106^0$15', múi chiếu 3^0).

- Dòng thải 01: Nước thải thoát ra mương nước phía Bắc của Cơ sở. Tọa độ X: 1.842.859 m; Y: 613.712 m (Hệ tọa độ VN2000, KTT $106^0$15', múi chiếu 3^0).

1.2.3. Lưu lượng xả thải lớn nhất

- Nước thải sinh hoạt: 0,27 m^3/ngày đêm, tương đương 0,01 m^3/giờ.

- Nước thải sản xuất: 19,9 m^3/ngày.đêm ≈ 0,83 m^3/giờ.

1.3. Phương thức xả nước thải

- Nước thải sinh hoạt: Tự chảy

- Nước thải sản xuất: Tự chảy

1.4. Chế độ xả nước thải

- Nước thải sinh hoạt: Xả thải liên tục trong ngày.

- Nước thải sản xuất: Xả thải khi có mưa hoặc khi vệ sinh sân bãi.

1.5. Chất lượng nước thải trước khi xả và nguồn nước tiếp nhận

Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với nước thải, cụ thể như sau:

- Nước thải sinh hoạt:

Bảng 4.1. Giá trị giới hạn cho phép chất lượng nước thải sinh hoạt trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị	QCVN 14:2008/BTNMT
			Cột B, K=1,2
1	pH	-	5,5 - 9
2	BOD_5 (20 ^{0}C)	mg/l	60
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	120
4	Tổng chất rắn hòa tan	mg/l	1.200
5	Sunfua (tính theo H_2S)	mg/l	4,8
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	12
7	Nitrat (tính theo N)	mg/l	60
8	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	24
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	12
10	Phosphat (tính theo P)	mg/l	12
11	Tổng Coliform	MPN/100 ml	5.000

**** Ghi chú:***

- QCVN 14:2008/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt;

- Cột B quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm làm cơ sở tính toán giá trị tối đa cho phép trong nước thải sinh hoạt khi thải vào các nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt (có chất lượng nước tương đương cột B1 và B2 của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt hoặc vùng nước biển ven bờ);

- K=1,2: áp dụng cho cơ sở sản xuất kinh doanh có dưới 500 người.

- Nước thải sản xuất:

Bảng 4.2. Giá trị giới hạn cho phép chất lượng nước thải sản xuất trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận

TT	Thông số	Đơn vị	QCVN 29:2010/BTNMT (cột B)
1	pH	-	5,5 - 9
2	TSS	mg/l	120
3	COD	mg/l	150
4	Dầu mỡ khoáng	mg/l	30

**** Ghi chú:***

- QCVN 29:2010/BTNMT-Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải của kho và cửa hàng xăng dầu.

- Cột B- Quy định giá trị tối đa của các thông số ô nhiễm trong nước thải khi thải vào các nguồn tiếp nhận khác với nguồn nước quy định cho cột A - Cửa hàng không có dịch vụ rửa xe.

2. Nội dung đề nghị cấp phép với khí thải

Quá trình hoạt động của cơ sở chỉ phát sinh bụi, khí thải từ các nguồn phân tán như phương tiện giao thông, hơi xăng dầu. Các nguồn phát sinh này đều được giảm thiểu bằng các biện pháp quản lý nội vi như đề xuất tại chương III. Do đó, chủ cơ sở không đề nghị cấp phép đối với khí thải.

3. Nội dung đề nghị cấp phép với tiếng ồn, độ rung

Quá trình hoạt động của cơ sở chỉ phát sinh tiếng ồn, độ rung trong quá trình xuất, nhập dầu của các phương tiện. Các nguồn này đều được giảm thiểu bằng các biện pháp quản lý phương tiện lưu thông ra vào khu vực Cơ sở. Do đó, không đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung.

CHƯƠNG V. KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

1. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải

Để đánh giá hiện trạng môi trường trong khu vực của Cơ sở, báo cáo tham khảo báo cáo quan trắc môi trường năm 2023 và 6 tháng đầu năm 2024 của Cơ sở do Trung tâm Quan trắc Tài nguyên và Môi trường Quảng Trị thực hiện. Dữ liệu môi trường tại cơ sở như sau:

Bảng 5.1. Kết quả quan trắc chất lượng nước thải

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả			QCVN 29:2010/BTNMT (Cột B)
			Năm 2023		Năm 2024	
			Đợt 1	Đợt 2	Đợt 1	
1	pH	-	6,8	7,0	7,1	5,5 - 9
2	TSS	mg/l	8,4	5,8	7,4	120
3	COD	mg/l	30	26	37	150
4	Dầu mỡ	mg/l	3,5	3,6	1,8	30

Ghi chú:

- QCVN 29: 2010/BTNMT (Cột B - Cửa hàng không có dịch vụ rửa xe): Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải của kho và cửa hàng xăng dầu.

- Vị trí lấy mẫu: Tại hố thu gom cuối cùng, trước khi thải ra môi trường của Petrolimex-Cửa hàng 25 (phía Bắc).

- Thời gian lấy mẫu:

+ Năm 2023: Đợt 1: 10/5/2023; Đợt 2: 26/10/2023.

+ Năm 2024: Đợt 1: 20/5/2024.

***** *Nhận xét:*

Từ kết quả phân tích ở bảng 5.1 cho thấy, tất cả các thông số chất lượng nước thải đều nằm trong giới hạn cho phép theo cột B của QCVN 29:2010/BTNMT.

CHƯƠNG VI. CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải

1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm

Giai đoạn vận hành thử nghiệm được thực hiện dự kiến trong khoảng thời gian 03 tháng. Kế hoạch dự kiến vận hành thử nghiệm như sau:

Tên công trình	Thời gian vận hành thử nghiệm		Công suất đạt được
	Bắt đầu	Kết thúc	
Bể lắng lắng, lọc dầu	30/12/2024	30/03/2025	Tùy vào lượng mưa

Ghi chú: Thời gian vận hành thử nghiệm có thể muộn hơn trong trường hợp khối lượng nước phát sinh không đảm bảo công suất vận hành thử nghiệm.

- Trong giai đoạn vận hành thử nghiệm, lượng nước thải phát sinh tùy vào lượng mưa, lượng nước thải phát sinh lớn nhất khi có mưa khoảng 19,9 m^3/ngày.đêm

- Lượng nước thải phát sinh chứa nhiều thành phần chủ yếu là các chất rắn lơ lửng và dầu mỡ,… công nghệ xử lý nước thải của cơ sở được thực hiện bằng hệ thống các bể lắng, lọc, tách dầu mỡ và bể lắng. Khi có sự cố hoặc xử lý nước thải không đạt chuẩn thì tạm dừng hệ thống để sửa chữa và khắc phục.

1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải

Cơ sở có công trình xử lý nước thải thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm theo quy định của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP. Đồng thời, theo quy định tại khoản 5, điều 21, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT quy định việc quan trắc chất thải do chủ cơ sở đầu tư tự quyết định nhưng phải bảo đảm quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định các công trình xử lý chất thải. Do đó, khi đi vào vận hành ổn định, Chủ cơ sở sẽ lấy mẫu 3 ngày liên tiếp tại đầu ra hệ thống xử lý nước thải để đánh giá hiệu quả xử lý của công trình xử lý nước thải. Cụ thể:

- Số lượng quan trắc: 01 vị trí tại đầu ra của bể lắng, lọc dầu 4 ngăn phía Bắc của cơ sở.

- Loại mẫu: mẫu đơn.

- Thông số quan trắc: pH, TSS, COD, dầu mỡ khoáng.

- Tần suất quan trắc: Thực hiện quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định các công trình xử lý nước thải.

- Quy chuẩn áp dụng: cột B của QCVN 29:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật

Quốc gia về nước thải của kho và cửa hàng xăng dầu.

- Chủ cơ sở dự kiến sẽ phối hợp với đơn vị có đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường trên địa bàn để thực hiện là Trung tâm Quan trắc Tài nguyên và Môi trường Quảng Trị.

2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật

Cơ sở không thuộc đối tượng lưu lượng xả nước thải lớn ra môi trường theo quy định tại điều 97 Nghị định 08/2022/NĐ-CP. Căn cứ quy định tại khoản 1, 2 Điều 111 của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, cơ sở không thuộc đối tượng quan trắc nước thải tự động liên tục và định kỳ.

CHƯƠNG VII. KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ

Thời gian từ năm 2020 đến nay cơ sở chưa tiếp nhận các đợt thanh tra, kiểm tra của các cơ quan chức năng về bảo vệ môi trường.

CHƯƠNG VIII. CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ

Nhằm đảm bảo công tác BVMT trong quá trình hoạt động, Chủ cơ sở cam kết thực hiện như sau:

- Cam kết về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường.

- Cam kết việc xử lý chất thải đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về môi trường và các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác có liên quan.

- Cam kết xử lý nước thải các loại đảm bảo theo quy định tại cột B của QCVN 29:2010/BTNMT – Quy định kỹ thuật Quốc gia về nước thải của kho và Cửa hàng xăng dầu và Cột B của QCVN 14:2008/BTNMT – Quy định kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt.

- Cam kết thu gom, lưu trữ chất thải nguy hại và thuê đơn vị có chức năng xử lý đảm bảo theo quy định của pháp luật.

PHỤ LỤC BÁO CÁO

- Bản sao giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;
- Bản sao giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh;
- Bản sao giây chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu;
- Giấy tờ về đất đai của cơ sở theo quy định của pháp luật;
- Giấy chứng nhận đủ điều kiện về PCCC;
- Giấy xác nhận công trình ứng phó sự cố tràn dầu;
- Các văn bản pháp lý khác liên quan đến cơ sở.